

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
---	------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301154821 ngày 3 tháng 10 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Mai Việt Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Châu	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Hoàng Tâm Hòa	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Phan Dương Cửu Long	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Lê Tuấn	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Lương Quang Hiên	Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Lars Johan Gerard De Geer	Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)

Ban Kiểm soát	Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
		Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Ngô Hòa	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Bà Đinh Trúc Phương	Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Dương Cửu Long
Ông Đoàn Văn Quang
Ông Nguyễn Công Bình

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Cường Cửu Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 6 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00289-20-1



Auvarin Phor

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 2252-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		277.911.368.763	229.202.787.475
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	105.002.950.889	68.534.196.705
Tiền	111		5.002.950.889	4.534.196.705
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	64.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9(a)	22.010.022.740	21.740.022.740
Chứng khoán kinh doanh	121		42.800.022.740	42.800.022.740
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(20.790.000.000)	(21.060.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.500.571.888	29.994.391.483
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	11.598.412.777	10.533.854.334
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.302.436.650	4.208.446.475
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(c)	10.000.000.000	2.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	15.599.722.461	12.752.090.674
Hàng tồn kho	140	12	109.325.891.550	105.859.872.582
Hàng tồn kho	141		109.325.891.550	105.859.872.582
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.071.931.696	3.074.303.965
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.184.297
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.569.525.902	2.772.119.667
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	502.405.794	300.000.001

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.070.865.675.581	1.076.800.100.280
Các khoản phải thu dài hạn	210		160.443.353.388	157.420.629.471
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	160.443.353.388	157.511.412.823
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(90.783.352)
Tài sản cố định	220		3.898.944.565	3.805.326.176
Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.316.744.565	3.803.796.964
Nguyên giá	222		12.557.593.426	12.521.493.426
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.240.848.861)	(8.717.696.462)
Tài sản cố định vô hình	227	14	582.200.000	1.529.212
Nguyên giá	228		1.419.070.000	836.870.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(836.870.000)	(835.340.788)
Bất động sản đầu tư	230	15	116.574.717.822	118.298.095.446
Nguyên giá	231		164.521.792.920	164.521.792.920
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(47.947.075.098)	(46.223.697.474)
Tài sản dở dang dài hạn	240		275.709.595.206	275.304.594.909
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	275.709.595.206	275.304.594.909
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	505.901.788.121	516.603.881.877
Đầu tư vào các công ty con	251		389.967.466.359	389.822.011.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		164.394.178.945	162.144.178.945
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	2.250.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(48.459.857.183)	(37.612.308.882)
Tài sản dài hạn khác	260		8.337.276.479	5.367.572.401
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.947.781.369	1.978.077.291
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.389.495.110	3.389.495.110
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.348.777.044.344	1.306.002.887.755

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		570.434.459.487	551.393.053.907
Nợ ngắn hạn	310		530.019.629.729	510.286.241.289
Phải trả người bán ngắn hạn	311		196.401.085	336.755.420
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	45.947.000.000	44.715.149.802
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(a)	2.748.241.935	1.165.907.311
Phải trả người lao động	314		5.760.480.288	9.292.808.427
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	14.244.268.079	11.956.470.677
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	451.616.419.593	432.266.978.528
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	9.506.818.749	10.552.171.124
Nợ dài hạn	330		40.414.829.758	41.106.812.618
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	40.414.829.758	41.106.812.618
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		778.342.584.857	754.609.833.848
Vốn chủ sở hữu	410	22	778.342.584.857	754.609.833.848
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		187.074.167.106	163.341.416.097
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		137.499.845.871	84.529.662.520
- LNST chưa phân phối kỳ/năm nay	421b		49.574.321.235	78.811.753.577
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.348.777.044.344	1.306.002.887.755

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	34.787.403.395	38.101.663.020
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	(14.330.427.223)	(15.379.516.166)
Lợi nhuận gộp (20 = 01 + 11)	20		20.456.976.172	22.722.146.854
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	57.284.123.555	72.610.689.476
Chi phí tài chính	22	30	(11.223.021.949)	(13.654.047.609)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(736.257.000)	(1.901.019.145)
Chi phí bán hàng	25		(873.754.706)	(1.244.229.056)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	(15.658.317.860)	(18.825.429.083)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)	30		49.986.005.212	61.609.130.582
Thu nhập khác	31		51.675.247	221.496.835
Chi phí khác	32		(290.269.225)	(192.942.289)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		(238.593.978)	28.554.546
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		49.747.411.234	61.637.685.128
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	(173.089.999)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51)	60		49.574.321.235	61.637.685.128

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		49.747.411.234	61.637.685.128
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		2.248.059.235	2.268.796.379
Các khoản dự phòng	03		10.486.764.949	11.751.245.205
Lỗ từ thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết	05		-	1.783.259
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi và cho vay	05		(57.284.123.555)	(72.610.689.476)
Chi phí lãi vay	06		736.257.000	1.901.019.145
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.934.368.863	4.949.839.640
Biến động các khoản phải thu	09		(3.937.932.998)	(8.479.536.855)
Biến động hàng tồn kho	10		(3.466.018.968)	(2.734.176.336)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		4.075.678.281	8.768.484.047
Biến động chi phí trả trước	12		(2.967.519.781)	(202.469.783)
			(361.424.603)	2.302.140.713
Tiền lãi vay đã trả	14		(736.257.000)	(1.934.389.008)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(375.495.792)	(1.050.958.227)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.670.055.609)	(6.498.026.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.143.233.004)	(7.181.233.142)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.023.300.297)	(8.308.533.182)
Tiền chi cho vay	23		(15.000.000.000)	(7.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		7.500.000.000	6.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con	25		(145.454.545)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết	26		-	31.496.303.047
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi và cho vay	27		57.284.123.555	47.337.001.495
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		43.615.368.713	69.524.771.360

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	-	4.210.798.491
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(34.764.218.487)
Tiền chi trả cổ tức	36	(3.381.525)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.381.525)	(30.553.419.996)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	36.468.754.184	31.790.118.222
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	68.534.196.705	38.335.440.900
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	105.002.950.889	70.125.559.122

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ khách sạn và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 74 nhân viên (1/1/2020: 78 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 14 công ty con và 7 công ty liên kết (1/1/2020: 14 công ty con và 6 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				30/6/2020	1/1/2020
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51,00%	51,00%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI và HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	56,80%	56,80%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản và kinh doanh và bảo trì xe ô tô.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70,00%	70,00%
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận , Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51,00%	51,00%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				30/6/2020	1/1/2020
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70,00%	70,00%
8	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,86%	80,86%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98,00%	98,00%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM, VINFAST và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	274 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu ISUZU và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	43/7A ấp Xuân Thới Đông 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,90%	99,90%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				30/6/2020	1/1/2020
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	5/5 Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90,00%	90,00%
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51,00%	51,00%
14	Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải và xe buýt mang nhãn hiệu HYUNDAI, và các loại phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì.	Áp 1, xã Đồng Tiến, Huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam	55,00%	55,00%
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,30%	30,30%
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	30,60%	30,60%
3	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	43,80%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				30/6/2020	1/1/2020
4	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,00%	35,00%
5	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,00%	32,00%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế và xây dựng.	66-68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%
7	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	71 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	50,00%	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng của năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với chứng khoán niêm yết, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo. Đối với chứng khoán chưa niêm yết, khoản dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư theo tỷ lệ mà Công ty sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia thì dự phòng giảm giá đầu tư sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư theo tỷ lệ mà Công ty sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng giá gốc khoản đầu tư trừ vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với dự án bất động sản và bình quân gia quyền đối với những hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của các dự án bất động sản gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và cấu trúc 6 – 42 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Công ty vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Công ty không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi nhận được thông báo khớp lệnh của các giao dịch chứng khoán kinh doanh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

(r) Hợp đồng thuê

(i) Tài sản thuê

Tài sản thuê được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho Công ty, là bên đi thuê.

Tài sản thuê trong các trường hợp thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày là số liệu kỳ trước. Theo phương pháp này, thông tin so sánh cho kỳ trước được bao gồm như một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và chỉ nhằm mục đích đọc đồng thời cùng với các số liệu và thuyết minh khác liên quan đến kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng hoặc lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty của kỳ trước.

4. Tính thời vụ hoặc chu kỳ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ các mục sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định thuế thu nhập hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được tính và quyết toán vào cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ giữa niên độ được tính bằng cách sử dụng thuế suất áp dụng trên lợi nhuận chịu thuế giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán và cơ cấu của Công ty

(a) Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán sử dụng thông tin hợp lý sẵn có tại ngày lập báo cáo tài chính. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong báo cáo riêng giữa niên độ này so với báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc những ước tính được lập cùng kỳ của năm trước mặc dù có sự gia tăng của tính không chắc chắn của các ước tính do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Khi có thêm thông tin, đánh giá trong tương lai của các ước tính có thể thay đổi đáng kể trong các kỳ báo cáo tương lai.

(b) Các thay đổi trong cơ cấu Công ty

Ngoại trừ những thay đổi trong cơ cấu Công ty với một công ty liên kết mới được mô tả trong Thuyết minh 1(d), không có thay đổi nào khác trong cơ cấu của Công ty trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

6. Sự kiện bất thường – Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đã tác động xấu đến nền kinh tế, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và sự không ổn định trong hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã theo dõi chặt chẽ diễn biến dịch bệnh và đã chủ động thực hiện và cập nhật các biện pháp ứng phó với đại dịch Covid-19 và các tác động của nó đối với Công ty và các công ty con. Những biện pháp này bao gồm quản lý dòng tiền, kiểm soát chi phí, đánh giá lại các khoản chi tiêu vốn và tìm kiếm các giải pháp hỗ trợ tài chính. Dù vậy, Công ty và các công ty con đã trải qua sự sụt giảm đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tiếp tục theo dõi tình hình để đưa ra các biện pháp phù hợp và kịp thời để giảm thiểu tác động của đại dịch Covid-19 đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Báo cáo bộ phận

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 2019

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	30/6/2020	30/6/2019	30/6/2020	30/6/2019	30/6/2020	30/6/2019	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	10.515.344.830	11.141.252.775	24.272.058.565	26.960.410.245	-	-	34.787.403.395	38.101.663.020
Thu nhập khác của bộ phận	57.223.202.090	72.073.848.980	-	-	112.596.712	758.337.331	57.335.798.802	72.832.186.311
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(3.774.138.711)	(5.147.025.305)	(10.556.288.512)	(10.232.490.861)	-	-	(14.330.427.223)	(15.379.516.166)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(16.343.582.149)	(20.280.575.893)	(11.374.093.376)	(12.890.340.687)	(327.688.215)	(745.731.457)	(28.045.363.740)	(33.916.648.037)
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh trong kỳ	47.620.826.060	57.787.500.557	2.341.676.677	3.837.578.697	(215.091.503)	12.605.874	49.747.411.234	61.637.685.128
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(173.089.999)	-
							49.574.321.235	61.637.685.128
	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	30/6/2020	30/6/2019	30/6/2020	30/6/2019	30/6/2020	30/6/2019	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khấu hao và phân bổ	524.681.611	545.418.755	1.723.377.624	1.723.377.624	-	-	2.248.059.235	2.268.796.379
Các khoản dự phòng	10.756.764.949	10.401.245.205	-	-	(270.000.000)	1.350.000.000	10.486.764.949	11.751.245.205
Chi tiêu vốn	618.300.000	3.308.533.182	5.405.000.297	5.000.000.000	-	-	6.023.300.297	8.308.533.182

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận ngắn hạn	60.612.962.653	35.548.767.145	193.191.531.829	170.484.440.837	24.106.874.281	23.169.579.493	277.911.368.763	229.202.787.475
Tài sản bộ phận dài hạn	317.160.893.385	325.263.147.239	750.161.035.673	748.049.289.276	154.251.413	98.168.655	1.067.476.180.471	1.073.410.605.170
Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.389.495.110	3.389.495.110
	377.773.856.038	360.811.914.384	943.352.567.502	918.533.730.113	24.261.125.694	23.267.748.148	1.348.777.044.344	1.306.002.887.755
Nợ phải trả								
Nợ bộ phận ngắn hạn	27.956.088.396	19.466.730.522	500.929.773.395	490.007.086.239	1.133.767.938	812.424.528	530.019.629.729	510.286.241.289
Nợ bộ phận dài hạn	7.117.555.907	7.140.428.657	33.008.619.137	33.668.385.313	288.654.714	297.998.648	40.414.829.758	41.106.812.618
	35.073.644.303	26.607.159.179	533.938.392.532	523.675.471.552	1.422.422.652	1.110.423.176	570.434.459.487	551.393.053.907

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.815.998.246	1.157.560.486
Tiền gửi ngân hàng	3.186.952.643	3.376.636.219
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	64.000.000.000
	105.002.950.889	68.534.196.705

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 4,8% đến 5,0% (1/1/2020: 4,8% đến 5,0%).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2020				1/1/2020			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn								
Cổ phiếu niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	(6.750.000.000)	6.750.000.000	1.350.000	13.500.000.000	(7.020.000.000)	6.480.000.000
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	3	22.740	-	22.740	3	22.740	-	22.740
Cổ phiếu chưa niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	500.000	14.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	900.000	9.000.000.000	-	(*)	900.000	9.000.000.000	-	(*)
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	(5.040.000.000)	(*)	180.000	6.300.000.000	(5.040.000.000)	(*)
		<u>42.800.022.740</u>	<u>(20.790.000.000)</u>			<u>42.800.022.740</u>	<u>(21.060.000.000)</u>	

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2020			1/1/2020	
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND		Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty con						
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	52,05%	44.763.000.000	-	52,05%	44.763.000.000	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	51,00%	9.321.231.272	-	51,00%	9.248.504.000	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	88,12%	7.102.684.814	-	88,12%	7.102.684.814	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	56,80%	9.012.515.000	-	56,80%	9.012.515.000	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70,00%	56.000.000.000	-	70,00%	56.000.000.000	-
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51,00%	25.382.395.273	-	51,00%	25.309.668.000	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98,00%	82.320.000.000	(4.623.111.057)	98,00%	82.320.000.000	(4.448.384.295)
• Công ty Cổ phần OtoS	80,86%	11.563.640.000	(11.127.351.093)	80,86%	11.563.640.000	(11.086.292.229)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70,00%	39.942.000.000	-	70,00%	39.942.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	10.100.000.000	-	84,17%	10.100.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	99,90%	39.960.000.000	(15.319.347.099)	99,90%	39.960.000.000	(12.293.172.812)
• Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90,00%	18.000.000.000	(6.105.790.702)	90,00%	18.000.000.000	(6.181.221.768)
• Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	51,00%	25.500.000.000	-	51,00%	25.500.000.000	-
• Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	55,00%	11.000.000.000	(4.669.505.501)	55,00%	11.000.000.000	(3.136.635.030)
		389.967.466.359	(41.845.105.452)		389.822.011.814	(37.145.706.134)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		30/6/2020			1/1/2020	
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	30,30%	29.106.059.000	(1.522.658.901)	30,30%	29.106.059.000	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	30,60%	15.393.000.000	-	30,60%	15.393.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	17.520.000.000	-	43,80%	17.520.000.000	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	35,00%	16.925.119.945	(1.110.238.041)	35,00%	16.925.119.945	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32,00%	19.200.000.000	-	32,00%	19.200.000.000	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	40,00%	64.000.000.000	(3.432.512.021)	40,00%	64.000.000.000	(466.602.748)
• Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	50,00%	2.250.000.000	(549.342.768)	-	-	-
		164.394.178.945	(6.614.751.731)		162.144.178.945	(466.602.748)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác						
• Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	-		2.250.000.000	-
		554.361.645.304	(48.459.857.183)		554.216.190.759	(37.612.308.882)

Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn trên.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020	30/6/2019	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	21.060.000.000	18.225.000.000	37.612.308.882	31.395.817.713
Dự phòng lập trong kỳ	-	1.350.000.000	10.922.979.367	6.764.909.389
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(270.000.000)	-	(75.431.066)	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	-	-	(251.913.694)
Số dư cuối kỳ	20.790.000.000	19.575.000.000	48.459.857.183	37.908.813.408

(c) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	30/6/2020	1/1/2020
			VND	VND
Phải thu về cho vay từ các công ty con				
▪ Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	6 – 12 tháng	9,5%	5.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Ngôi sao Sài Gòn	3 – 6 tháng	7,0%	5.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	6 – 12 tháng	6,7%	-	2.500.000.000
			10.000.000.000	2.500.000.000

Các khoản phải thu về cho vay từ các công ty con không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Vạn Vạn An	6.250.000.000	6.381.815.282
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Red – House	1.092.190.880	1.812.859.557
Các khách hàng thuê bất động sản đầu tư	720.116.574	284.515.522
Các khách hàng khác	3.536.105.323	2.054.663.973
	11.598.412.777	10.533.854.334

11. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tạm ứng cho người lao động	5.897.360.000	3.385.610.000
Hỗ trợ tài chính cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà, một công ty con	9.016.036.304	9.016.036.304
Lãi vay phải thu	56.904.110	56.904.110
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	629.422.047	293.540.260
	15.599.722.461	12.752.090.674

Phải thu từ công ty con không được đảm bảo và không chịu lãi.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Góp vốn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	128.909.017.388	128.548.020.723
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh xe ô tô cũ với Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long, một công ty con	3.000.000.000	-
Đặt cọc dài hạn	26.814.336.000	27.243.392.100
Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào các công ty con	1.720.000.000	1.720.000.000
	160.443.353.388	157.511.412.823

- (i) Các khoản này bao gồm khoản góp vốn với các đối tác cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản vào các Dự án Bình An, Dự án Long Hòa, Dự án Melisa và Dự án Lê Minh Xuân.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2020 Giá gốc VND	1/1/2020 Giá gốc VND
Vật liệu	14.324.928	57.948.429
Sản xuất kinh doanh dở dang cho các dự án bất động sản	109.302.632.511	105.790.948.153
▪ Dự án Khu dân cư Tam Bình	24.199.965.284	20.688.280.926
▪ Dự án Nam Cẩm Lệ	85.102.667.227	85.102.667.227
Hàng hóa	8.934.111	10.976.000
	109.325.891.550	105.859.872.582

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cầu trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	2.157.957.854	2.797.035.634	7.566.499.938	12.521.493.426
Tăng trong kỳ	-	36.100.000	-	36.100.000
Số dư cuối kỳ	2.157.957.854	2.833.135.634	7.566.499.938	12.557.593.426
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.931.089.784	2.730.292.159	4.056.314.519	8.717.696.462
Khấu hao trong kỳ	23.913.504	26.729.752	472.509.143	523.152.399
Số dư cuối kỳ	1.955.003.288	2.757.021.911	4.528.823.662	9.240.848.861
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	226.868.070	66.743.475	3.510.185.419	3.803.796.964
Số dư cuối kỳ	202.954.566	76.113.723	3.037.676.276	3.316.744.565

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 5.256 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 3.897 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	836.870.000
Tăng trong kỳ	582.200.000
Số dư cuối kỳ	1.419.070.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	835.340.788
Khấu hao trong kỳ	1.529.212
Số dư cuối kỳ	836.870.000
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	1.529.212
Số dư cuối kỳ	582.200.000

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 837 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: không) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Nhà cửa và cấu trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	5.107.878.273	159.413.914.647	164.521.792.920
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	46.223.697.474	46.223.697.474
Khấu hao trong kỳ	-	1.723.377.624	1.723.377.624
Số dư cuối kỳ	-	47.947.075.098	47.947.075.098
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.107.878.273	113.190.217.173	118.298.095.446
Số dư cuối kỳ	5.107.878.273	111.466.839.549	116.574.717.822

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 9.671 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 9.671 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	275.304.594.909	266.525.363.208
Tăng trong kỳ	405.000.297	-
Số dư cuối kỳ	275.709.595.206	266.525.363.208

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Dự án 104 Phở Quang	266.214.663.240	266.134.935.670
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	255.209.052	255.209.052
Kho 403 Trần Xuân Soạn	9.093.148.459	8.755.875.732
Các dự án khác	146.574.455	158.574.455
	275.709.595.206	275.304.594.909

17. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước chủ yếu bao gồm các khoản ứng trước từ các khách hàng để nhận chuyển nhượng vốn cổ phần trong một công ty con và để mua quyền sử dụng đất của các dự án bất động sản.

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dana	28.944.000.000	27.496.800.000
Bà Nguyễn Thị Phi Nga	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thành Phố Xanh	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Vạn Thịnh Phát	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khách hàng khác	3.000.000	218.349.802
	45.947.000.000	44.715.149.802

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	(Số cần trừ)/ phân loại lại trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	40.757.152	4.882.109.256	(974.985.994)	(2.196.692.071)	1.751.188.343
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	173.089.999	(375.495.792)	202.405.793	-
Thuế thu nhập cá nhân	871.940.397	2.091.001.926	(2.219.098.493)	-	743.843.830
Các khoản phải nộp khác					
Tiền thuê đất	-	143.606.920	(143.606.920)	-	-
Các khoản phải nộp khác	253.209.762	291.266.686	(291.266.686)	-	253.209.762
	1.165.907.311	7.581.074.787	(4.004.453.885)	(1.994.286.278)	2.748.241.935

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phân loại lại trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	300.000.001	202.405.793	502.405.794

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Phí dịch vụ chuyên môn	8.668.305.119	8.723.305.119
Chi phí tham quan và đào tạo	3.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí thuê đất	2.537.272.960	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	38.690.000	233.165.558
	14.244.268.079	11.956.470.677

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Khoản góp vốn nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh của Dự án 104 Phở Quang (i)	341.319.476.227	341.319.476.227
Khoản góp vốn nhận được từ một công ty con cho Dự án 104 Phở Quang (ii)	5.749.000.000	5.749.000.000
Phải trả bên thứ ba liên quan đến dự án 91 Pasteur	18.755.483.552	23.755.483.552
Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng của Dự án Khu dân cư Tam Bình	52.984.688.200	48.425.579.600
Cổ tức phải trả	25.151.454.570	179.329.095
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.656.317.044	12.838.110.054
	451.616.419.593	432.266.978.528

- (i) Tại ngày lập báo cáo, các điều kiện để hoàn thành hợp đồng hợp tác kinh doanh vẫn chưa hoàn tất. Do đó, Công ty ghi nhận các khoản góp vốn nhận được từ đối tác của dự án này là khoản phải trả khác. Các khoản góp vốn này không được đảm bảo và không chịu lãi.
- (ii) Khoản góp vốn nhận được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô, một công ty con, theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 1 tháng 11 năm 2014 cho một phần quyền sử dụng đất tại 104 Phở Quang. Các khoản góp vốn này không được đảm bảo và không chịu lãi.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các khoản nhận đặt cọc dài hạn	16.175.315.924	16.867.298.784
Khoản hoàn vốn góp nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh của Dự án Bình An	24.239.513.834	24.239.513.834
	40.414.829.758	41.106.812.618

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo các chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.552.171.124	9.212.155.317
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ (Thuyết minh 22)	-	285.391.655
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.045.352.375)	(2.969.423.629)
Số dư cuối kỳ	9.506.818.749	6.528.123.343

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	163.341.416.097	754.609.833.848
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	49.574.321.235	49.574.321.235
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(866.063.226)	(866.063.226)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	187.074.167.106	778.342.584.857
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	125.806.917.666	717.075.335.417
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	61.637.685.128	61.637.685.128
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(285.391.655)	(285.391.655)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(37.463.260.500)	(37.463.260.500)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.528.602.991)	(3.528.602.991)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	146.167.347.648	737.435.765.399

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 30 tháng 6 năm 2019.

24. Cổ tức

Đại hội Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 29 tháng 5 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 24.976 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 37.463 triệu VND, bằng 15% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức).

25. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.467.937.280	15.777.744.920
Từ hai đến năm năm	65.973.431.573	69.927.965.113
Trên năm năm	119.721.889.915	121.214.892.475
	201.163.258.768	206.920.602.508

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	2.378.631.244	2.894.018.307
▪ Cung cấp dịch vụ	8.136.713.586	8.247.234.468
▪ Doanh thu cho thuê	24.272.058.565	26.960.410.245
	34.787.403.395	38.101.663.020

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng hóa đã bán	909.612.508	1.576.113.262
▪ Dịch vụ đã cung cấp	2.864.526.203	3.570.912.043
▪ Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư cho thuê	10.556.288.512	10.232.490.861
	14.330.427.223	15.379.516.166

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Thu nhập cổ tức	55.483.046.500	70.837.046.994
Thu nhập lãi cho vay	112.596.712	758.337.331
Thu nhập lãi tiền gửi	1.688.480.343	1.015.305.151
	57.284.123.555	72.610.689.476

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	736.257.000	1.901.019.145
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	10.486.764.949	11.751.245.205
Lỗ từ thu hồi khoản đầu tư vào một công ty liên kết	-	1.783.259
	11.223.021.949	13.654.047.609

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.216.862.987	11.329.837.241
Chi phí đào tạo	327.748.664	157.745.358
Chi phí tiếp khách và hội nghị khách hàng	1.663.556.576	2.734.998.574
Chi phí thuê	2.122.668.688	932.184.225
Chi phí đi lại	201.341.966	364.590.686
Chi phí khấu hao	482.678.674	410.846.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.794.454.861	1.498.069.138
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	849.005.444	1.397.157.342
	15.658.317.860	18.825.429.083

32. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa	909.612.508	1.576.113.262
Chi phí nhân công và nhân viên	8.285.841.882	12.498.515.529
Chi phí khấu hao	2.248.059.235	2.268.796.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.189.430.011	15.278.105.294
Các chi phí khác	4.229.556.153	3.827.643.841

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Dự phòng thiếu trong những năm trước	173.089.999	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	49.747.411.234	61.637.685.128
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	9.949.482.247	12.327.537.026
Chi phí không được khấu trừ thuế	58.053.845	38.582.850
Thu nhập không chịu thuế	(11.096.609.300)	(14.167.409.399)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.089.073.208	1.801.289.523
Dự phòng thiếu trong những năm trước	173.089.999	-
	173.089.999	-

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất phổ thông bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Tổng lương và thù lao cho các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.783.400.000	1.722.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	361.450.000	375.000.000
	2.144.850.000	2.097.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020	30/6/2019
			VND	VND
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một Thành Viên	Cổ đông chính	Cổ tức đã trả/phải trả	10.192.823.000	15.289.234.500
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cho công ty con vay	10.000.000.000	-
		Cổ tức	1.135.930.000	1.703.895.000
		Lãi cho vay	78.821.369	-
		Thu nhập khác	-	5.610.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Công ty con	Doanh thu cho thuê	3.654.154.619	3.431.899.545
		Cổ tức	6.714.450.000	11.190.750.000
		Doanh thu phí tiện ích	-	499.708.148
		Thu nhập khác	25.180.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Cổ tức	-	21.093.687.980
		Thu nhập khác	16.310.000	24.188.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Cổ tức	12.600.000.000	5.600.000.000
		Thu nhập khác	22.440.000	-
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	Công ty con	Cổ tức	-	9.603.525.047
		Thu nhập khác	16.060.000	23.084.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020	30/6/2019
			VND	VND
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức	15.315.300.000	4.504.500.000
		Doanh thu cho thuê	599.704.776	583.005.600
		Thu nhập khác	12.474.000	32.434.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con	Cho công ty con vay	-	4.344.180.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức	1.012.500.000	3.375.000.000
		Lãi cho vay	-	80.871.576
		Thu nhập khác	7.288.505	3.740.000
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Công ty con	Lãi cho vay	33.775.343	-
		Thu nhập khác	-	3.740.000
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Công ty con	Thu nhập khác	-	5.676.000
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Công ty con	Cho công ty con vay	5.000.000.000	-
		Thu nhập cổ tức	3.825.000.000	2.040.000.000
		Thu nhập khác	-	11.560.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Công ty con	Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	-
		Thu nhập cổ tức	-	3.535.000.000
		Thu nhập khác	467.490.000	3.387.000
		Chi phí khác	196.299.998	-
Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Công ty con	Cho công ty con vay	-	5.000.000.000
		Thu nhập khác	-	7.480.000
		Lãi cho vay	-	334.068.494
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	-	6.720.000.000
		Thu nhập khác	1.529.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	2.465.865.000	-
		Thu nhập khác	25.487.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Cho công ty liên kết vay	-	2.000.000.000
		Lãi cho vay	-	32.465.754
		Thu nhập khác	5.819.000	5.676.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

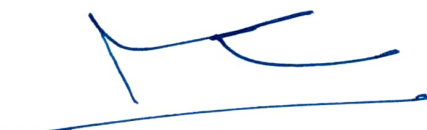
Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	2.100.000.000	399.688.967
		Thu nhập khác	14.020.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	9.600.000.000	-
		Thu nhập khác	2.870.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Lãi cho vay	-	310.931.507
Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Hoàn vốn đầu tư sau giải thể	-	31.496.303.047
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết	Đặt cọc thuê văn phòng	-	1.722.336.000
		Chi phí thuê văn phòng	2.075.760.646	-

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được lấy từ số dư và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:


 Ngô Văn Danh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Phan Dương Cửu Long
 Tổng Giám đốc

